

Họ và tên:.....Lớp: 5...

ÔN TẬP KIẾN THỨC TOÁN TUẦN 23

MÉT KHỐI, ĐỀ - XI - MÉT KHỐI, XĂNG - TI - MÉT KHỐI

Bài 1: Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

a. $3 \text{ dm}^3 = \dots\dots\dots \text{cm}^3$

b. $2,5 \text{ m}^3 = \dots\dots\dots \text{cm}^3$

$0,05 \text{ dm}^3 = \dots\dots\dots \text{cm}^3$

$0,02 \text{ m}^3 = \dots\dots\dots \text{cm}^3$

$\frac{1}{10} \text{ dm}^3 = \dots\dots\dots \text{cm}^3$

$\frac{1}{500} \text{ m}^3 = \dots\dots\dots \text{cm}^3$

Bài 2: Viết các số đo sau dưới dạng có số đo có đơn vị là đề - xi - mét khối:

a. $12 \text{ cm}^3 = \dots\dots\dots \text{dm}^3$

b. $99 \text{ m}^3 = \dots\dots\dots \text{dm}^3$

$350 \text{ cm}^3 = \dots\dots\dots \text{dm}^3$

$2,5 \text{ m}^3 = \dots\dots\dots \text{dm}^3$

$0,5 \text{ cm}^3 = \dots\dots\dots \text{dm}^3$

$5 \text{ dm}^3 \ 4 \text{ cm}^3 = \dots\dots\dots \text{dm}^3$

Bài 3: Viết các số đo sau dưới dạng có số đo có đơn vị là mét khối:

a. $5 \text{ cm}^3 = \dots\dots\dots \text{m}^3$

b. $42 \text{ dm}^3 = \dots\dots\dots \text{m}^3$

$2306 \text{ cm}^3 = \dots\dots\dots \text{m}^3$

$10,6 \text{ dm}^3 = \dots\dots\dots \text{m}^3$

$0,2 \text{ cm}^3 = \dots\dots\dots \text{m}^3$

$9 \text{ m}^3 \ 12 \text{ dm}^3 = \dots\dots\dots \text{m}^3$

Bài 4: Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm $> ; < , =$

a. $575 \ 684 \ 730 \text{ cm}^3 \dots\dots\dots 575, \ 684 \ 730 \text{ m}^3$

b. $45,3841 \text{ dm}^3 \dots\dots\dots 453 \ 841 \text{ cm}^3$

c. $8 \text{ m}^3 \ 75 \text{ dm}^3 \dots\dots\dots 8,075 \text{ m}^3$

d. $\frac{4}{5} \text{ dm}^3 \dots\dots\dots 395 \text{ cm}^3$

Bài 5: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a. $8,2 \text{ dm}^3 = \dots\dots\dots \text{cm}^3$

b. $78 \ 000 \text{ cm}^3 = \dots\dots\dots \text{dm}^3$

$4,2 \text{ m}^3 = \dots\dots\dots \text{dm}^3$

$4 \ 965 \text{ dm}^3 = \dots\dots\dots \text{m}^3$

$2,5 \text{ m}^3 = \dots\dots\dots \text{cm}^3$

$125 \text{ cm}^3 = \dots\dots\dots \text{dm}^3$

$0,05 \text{ m}^3 = \dots\dots\dots \text{cm}^3$

$1 \ 023 \ 758 \text{ cm}^3 = \dots\dots\dots \text{m}^3$

Bài 6: Viết số đo sau dưới dạng số thập phân:

a. Có đơn vị là mét khối:

$$37 \text{ m}^3 125 \text{ dm}^3 = \dots\dots\dots \text{ m}^3$$

$$74 \text{ m}^3 38 \text{ dm}^3 = \dots\dots\dots \text{ m}^3$$

$$1530 \text{ dm}^3 = \dots\dots\dots \text{ m}^3$$

$$6 \text{ m}^3 9 \text{ dm}^3 = \dots\dots\dots \text{ m}^3$$

b. Có đơn vị là đề - xi- mét khối:

$$1 \text{ dm}^3 584 \text{ cm}^3 = \dots\dots\dots \text{ dm}^3$$

$$12000 \text{ cm}^3 = \dots\dots\dots \text{ dm}^3$$

$$12 \text{ dm}^3 40 \text{ cm}^3 = \dots\dots\dots \text{ dm}^3$$

$$1 \text{ cm}^3 = \dots\dots\dots \text{ dm}^3$$

$$4 \text{ dm}^3 5 \text{ cm}^3 = \dots\dots\dots \text{ dm}^3$$

$$27 \text{ cm}^3 = \dots\dots\dots \text{ dm}^3$$

$$1566 \text{ cm}^3 = \dots\dots\dots \text{ dm}^3$$

$$504 \text{ cm}^3 = \dots\dots\dots \text{ dm}^3$$

Bài 7: Viết các số đo sau dưới dạng số đo có đơn vị là:

a. Đề - xi- mét khối:

b. Có đơn vị là mét khối

$$2,5 \text{ m}^3 = \dots\dots\dots \text{ dm}^3$$

$$0,235 \text{ dm}^3 = \dots\dots\dots \text{ m}^3$$

$$3,21 \text{ m}^3 = \dots\dots\dots \text{ dm}^3$$

$$0,18 \text{ dm}^3 = \dots\dots\dots \text{ m}^3$$

$$0,36 \text{ m}^3 = \dots\dots\dots \text{ dm}^3$$

$$0,09 \text{ dm}^3 = \dots\dots\dots \text{ m}^3$$

$$0,7 \text{ m}^3 = \dots\dots\dots \text{ dm}^3$$

$$0,8 \text{ cm}^3 = \dots\dots\dots \text{ m}^3$$

$$0,05 \text{ m}^3 = \dots\dots\dots \text{ dm}^3$$

$$0,235 \text{ cm}^3 = \dots\dots\dots \text{ m}^3$$

$$0,345 \text{ m}^3 = \dots\dots\dots \text{ dm}^3$$

$$73,5 \text{ cm}^3 = \dots\dots\dots \text{ m}^3$$

Bài 8: Điền dấu ($>$; $<$; $=$) thích hợp vào chỗ chấm :

$$\text{a. } \frac{2}{5} \text{ m}^3 \dots\dots\dots 0,4 \text{ m}^3$$

$$\text{b. } 81\,075 \text{ cm}^3 \dots\dots\dots 810,75 \text{ dm}^3$$

$$\text{c. } \frac{1}{4} \text{ dm}^3 \dots\dots\dots \frac{1}{3} \text{ dm}^3$$

$$\text{d. } \frac{85}{100} \text{ m}^3 \dots\dots\dots 85 \text{ dm}^3$$